

Bản án số: 285/2022/DS-ST
Ngày: 05-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 8 năm 2022 và ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 394/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 140/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 442 đường NTMK.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà M, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, số 444A - 446 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 1572/UQ-QLN.22 ngày 26/7/2022)

2. Bị đơn: Bà L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 14 NGT, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG KHỞI KIẾN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Acùng bản trình bày của bà Lê Thị Huyền là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ngày 19-4-2017, Ngân hàng Thương mại cổ phần Acấp tín dụng cho Bà L

theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp, số SGN.CN.203.190417 (số tài khoản vay: 236445659) chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 54.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 36 tháng (từ ngày 20-4-2017 đến ngày 19-4-2020).
- Mục đích vay: Tiêu dùng.
- Lãi suất trong hạn: 12%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình vay vốn, Bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 18-3-2020, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ nợ vay còn lại chưa thanh toán của Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.203.190417 nêu trên. Tính đến ngày 05-9-2022, Bà L còn nợ ACB số tiền 67.363.138 đồng, bao gồm các khoản tiền sau:

- Vốn gốc: 26.300.000 đồng.
- Lãi trong hạn: 11.340.000 đồng.
- Lãi quá hạn: 24.397.168 đồng.
- Phạt chậm trả lãi: 5.325.970 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc cùng tiền lãi tính đến ngày 05-9-2022 là: 67.363.138 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 05-9-2022 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ.

2. Bị đơn Bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Alà Bà M trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn Bà L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ hai và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

+ *Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”. Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên”. Do không có đương sự yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về người đại diện tham gia tố tụng:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301452948 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp; Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05-7-2022 và Giấy ủy quyền số 1572/UQ-QLN.22 ngày 26-7-2022, Bà M được đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Atham gia tố tụng.

[4] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về tiền nợ gốc:

Xét lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn còn nợ số tiền gốc là 26.300.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản. Một bên đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Xét thấy bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, trong đó có ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp cho Tòa án, nhưng bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản thể hiện sự phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, cũng như không có văn bản trình bày về số tiền đã thanh toán nợ gốc, nợ lãi, nên Hội đồng xét xử căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SNG.CN.203.190417, các bảng sao kê, các Thông

báo của ngân hàng do nguyên đơn nộp cho Tòa án, chấp nhận lời khai của nguyên đơn.

2. Về tiền lãi:

Tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*”. Xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 18-3-2020, nguyên đơn chuyển toàn bộ dư nợ của bị đơn sang nợ quá hạn là phù hợp thỏa thuận giữa hai bên được quy định trong hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Xét thấy lãi suất nợ quá hạn do hai bên thỏa thuận bằng 150% của lãi suất trong hạn là không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3. Về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Bà L thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Asó tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến ngày 05-9-2022, tổng cộng là 67.363.138 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì kể từ ngày 06-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự,

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng,

- Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm,

- Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Atông số tiền nợ tính đến ngày 05-9-2022 là 67.363.138 đồng, (trong đó bao gồm: nợ gốc là 26.300.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.340.000 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 05-9-2022 là 24.397.168 đồng và tiền phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ là 5.325.970 đồng).

Kể từ ngày 06-9-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trả góp, số SGN.CN.203.190417 ngày 19-4-2017.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.368.157 đồng, Bà L chịu.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Akhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần Ađược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.052.522 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0014717 ngày 18-6-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần A và kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với Bà L.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên